

Cà Mau, ngày 27 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO (TÓM TẮT) TÀI CHÍNH NĂM 2025

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 phát hành ngày 07/03/2025 (đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt);

Công ty cổ phần Môi trường đô thị Cà Mau Báo cáo (Tóm tắt) tài chính năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Số cuối năm	Số đầu năm
I. TÀI SẢN		
A. Tài sản ngắn hạn	24.473.841.996	19.561.097.966
- Tiền và các khoản tương đương tiền	9.477.720.757	12.897.668.016
- Các khoản phải thu ngắn hạn	9.513.905.996	3.446.873.010
- Hàng tồn kho	5.371.654.042	3.203.526.291
- Tài sản ngắn hạn khác	110.561.201	13.030.649
B. Tài sản dài hạn	5.724.759.747	4.546.178.689
- Các khoản phải thu dài hạn	1.764.272.296	299.859.882
- Tài sản cố định	2.717.608.748	4.126.873.387
- Tài sản dở dang dài hạn	1.242.878.703	
- Tài sản dài hạn khác		119.445.420
Tổng cộng tài sản	30.198.601.743	24.107.276.655
II. NGUỒN VỐN		
A. Nợ phải trả	17.091.601.743	11.000.276.655
- Nợ ngắn hạn	17.091.601.743	11.000.276.655
- Nợ dài hạn		
B. Vốn chủ sở hữu	13.107.000.000	13.107.000.000
- Vốn góp chủ sở hữu	13.107.000.000	13.107.000.000
- Nguồn kinh phí		
Tổng cộng nguồn vốn	30.198.601.743	24.107.276.655
C. Vốn điều lệ	13.107.000.000	13.107.000.000
- Vốn Nhà nước	12.041.000.000	12.043.000.000
- Vốn cổ đông ngoài	1.066.000.000	1.064.000.000
III. KẾT QUẢ KINH DOANH	Số năm nay	Số năm trước
A. Doanh thu	43.949.420.125	41.256.868.617
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.875.554.887	41.053.236.304
- Doanh thu hoạt động tài chính	30.126.289	13.049.908
- Thu nhập khác	43.738.949	190.582.405
B. Chi phí	35.052.363.597	38.195.629.566

- Giá vốn hàng bán	24.377.910.164	29.418.209.103
- Chi phí bán hàng	1.589.729.022	1.305.267.885
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.050.345.499	7.468.171.719
- Chi phí khác	34.378.912	3.980.859
C. Lợi nhuận trước thuế	8.897.056.528	3.061.239.051
D. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.523.693.110	612.343.982
E. Lợi nhuận sau thuế	7.373.363.418	2.448.895.069
IV. CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN	Số năm nay	Số năm trước
A. Cơ cấu tài sản (lần)		
- Tài sản cố định / Tổng tài sản	0,09	0,17
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	0,81	0,81
B. Cơ cấu nguồn vốn (lần)		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	0,57	0,46
- Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	0,43	0,54
C. Chỉ số thanh toán (lần)		
- Tổng tài sản / Tổng nợ (nợ phải trả)	1,77	2,19
- Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	1,43	1,78
D. Tỷ suất lợi nhuận (%)		
- LN trước thuế / Doanh thu (Tổng doanh thu)	20,24%	7,42%
- LN sau thuế / Doanh thu (Tổng doanh thu)	16,78%	5,94%
- Lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản	36,35%	12,70%
- Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	30,13%	10,16%
- Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	56,26%	18,68%
E. Cổ tức		
- Cổ tức được chia	1.843.789.230	734.668.521
- Cổ tức / Vốn điều lệ (%)	1.406	5,61

Nơi nhận:

- HĐQT, BGĐ;
- Lưu VT. CBTT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HĐQT
Dương Thành Nghĩa